

BỘ ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 2 MÔN SINH HỌC LỚP 9

ĐỀ SỐ 1

I. Trắc nghiệm: (3,0 điểm)

Câu 1: (1,5 điểm) Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng

1. Đặc điểm nào sau đây chỉ có ở quần xã sinh vật mà không có ở quần thể sinh vật?

- a. Mật độ.
- b. Giới tính.
- c. Độ đa dạng.
- d. Thành phần nhóm tuổi.

2. Nhóm sinh vật nào dưới đây được xếp vào nhóm động vật hằng nhiệt?

- a. Cá rô phi, cá chép, ếch, cá sấu.
- b. Bò câu, mèo, thỏ, dơi.
- c. Cá sấu, thỏ, ếch, dơi.
- d. Bò câu, cá rô phi, cá chép, mèo.

3. Độ đa dạng của một quần xã sinh vật được thể hiện ở:

- a. Có số lượng cá thể nhiều.
- b. Có nhiều tầng phân bố.
- c. Có nhiều nhóm tuổi khác nhau.
- d. Có số lượng loài phong phú.

4. Đặc điểm nào sau đây là không đúng với các cây ưa sáng mọc trong rừng?

- a. Cành tập trung ở phần ngọn.
- b. Các cành phía dưới sớm bị rụng.
- c. Các cành phía dưới phát triển mạnh.
- d. Thân cao thẳng.

5. Tập hợp những cá thể sinh vật nào là quần thể:

- a. Các con cá chép sống ở hai hồ nước khác nhau.
- b. Các cá thể cá chép, cá mè, cá rô sống trong một ao.
- c. Các cá thể voi, khỉ, báo sống trong vườn bách thú.
- d. Các cây lúa trong ruộng lúa.

6. Hiện tượng tăng dân số tự nhiên là do:

- a. Số người sinh ra nhiều hơn số người tử vong.
- b. Số người sinh ra ít hơn số người tử vong.
- c. Số người sinh ra bằng số người tử vong.
- d. Chỉ có sinh ra, không có tử vong.

Câu 2: (1,5 điểm) Hãy chọn nội dung ở cột A phù hợp với nội dung ở cột B vào cột trả

lời

Cột A	Cột B	Kết quả
1. Hải quỳ và cua	Hội sinh	1.....
2. Giun đũa sống trong ruột người	Sinh vật ăn sinh vật khác	2.....
3. Sâu bọ sống nhờ trong tổ kiến, tổ mối	Cộng sinh	3.....
4. Lúa và cỏ dại trên cánh đồng	Kí sinh	4.....
5. Cây nắp ấm bắt mồi	Cạnh tranh	5.....
6. Cây phong lan bám trên thân cây gỗ		6.....

II. Tự luận (7,0 điểm)

Câu 1: (1,5 điểm) Ưu thế lai là gì? Nêu nguyên nhân của hiện tượng thoái hóa?

Câu 2: (2,0 điểm)

a) (1,0 điểm) Giới hạn sinh thái là gì? Cá rô phi Việt Nam phát triển cực thuận ở nhiệt độ bao nhiêu?

b) (1,0 điểm) Trình bày đặc điểm để phân chia các nhóm thực vật dựa vào khả năng thích nghi của chúng với điều kiện chiếu sáng. Mỗi nhóm lấy một ví dụ minh họa.

Câu 3: (3,5 điểm) Giả sử có một quần xã sinh vật gồm các loài sinh vật sau: Cỏ, châu chấu, ếch nhái, dê, gà rừng, cáo, vi sinh vật, mèo rừng, rắn lục đuôi đỏ.

a) (0,5 điểm) Chuỗi thức ăn là gì?

b) (2,0 điểm) Xếp các sinh vật trên theo thành phần của 1 lưới thức ăn. Sau đó xây dựng 1 lưới thức ăn gồm 4 chuỗi thức ăn từ quần xã sinh vật trên.

c) (1,0 điểm) Hiện tượng rắn lục đuôi đỏ xuất hiện nhiều vào năm ngoái thậm chí chúng bò vào nhà dân làm người dân hoang mang. Các chuyên gia khoa học kết luận rằng đây là hiện tượng mất cân bằng sinh thái. Em hãy giải thích?

Đáp án đề thi giữa học kì 2 môn Sinh học lớp 9

I. Trắc nghiệm (3,0 điểm)

Câu 1: Chọn câu trả lời đúng nhất (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.)

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	c	b	d	c	d	a

Câu 2: Nối cột (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.)

Cột A	1	2	3	4	5	6
Cột B	c	d	a	e	b	d

II. Tự luận (7,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 1	- Ưu thế lai là hiện tượng cơ thể lai F1 có sức sống cao hơn, sinh trưởng nhanh hơn, phát triển mạnh hơn, chống chịu tốt hơn, năng suất phẩm chất vượt trội hoặc cao hơn trung bình giữa bố và mẹ	1,0 điểm
	- Nguyên nhân của hiện tượng thoái hóa là do giao phối gần và tự thụ phấn ở cây giao phấn	0,5 điểm
Câu 2	a) - Giới hạn sinh thái là giới hạn chịu đựng của cơ thể sinh vật đối với một nhân tố sinh thái nhất định. Nằm ngoài giới hạn này sinh vật sẽ yếu dần và chết.	0,5 điểm
	- Cá rô phi ở Việt Nam phát triển cực thuận ở nhiệt độ là: 30 ⁰ C	0,5 điểm
	b) Nhu cầu về ánh sáng của các loài thực vật không giống nhau:	
	- Nhóm cây ưa sáng: gồm những cây sống nơi quang đãng.	0,25 điểm
	Ví dụ:	0,25 điểm
	- Nhóm cây ưa bóng: gồm những cây sống nơi ánh sáng yếu, dưới tán cây khác.	0,25 điểm
	Ví dụ:	0,25 điểm
Câu 3	a) Chuỗi thức ăn là một dãy nhiều loài sinh vật có quan hệ dinh	0,5 điểm

	<p>dưỡng với nhau. Mỗi loài trong chuỗi thức ăn vừa là sinh vật tiêu thụ mắt xích phía trước, vừa là sinh vật bị mắt xích phía sau tiêu thụ.</p> <p>b)</p> <p>* Xác định được thành phần sinh vật: 1,0 điểm</p> <p>* Lưới thức ăn: Vẽ đúng, khoa học 1,0 điểm</p> <p>c)</p> <p>- Rắn lục đuôi đỏ vốn sống trong rừng, nay diện tích rừng giảm, mất bớt nơi ở. 0,5 điểm</p> <p>- Các loài thiên địch của chúng trong môi trường như cây, cáo, mèo rừng giảm đi khá nhiều do nạn săn bắt. Bên cạnh đó thức ăn của nó vốn là ếch, nhái, tương đối nhiều 0,5 điểm</p>	
--	---	--

ĐỀ SỐ 2

TRƯỜNG THCS NGUYỄN THÁI BÌNH KIỂM TRA GIỮA HK2 MÔN SINH LỚP 9

Số báo danh của học sinh:.....

Năm học 2015 - 2016

Thời gian làm bài 45 phút

Câu 1: (3,0 điểm) Hãy xác định mối quan hệ giữa các sinh vật thông qua các ví dụ sau

Ví dụ		Tên mối quan hệ (nói rõ cùng loài hay khác loài)
1	Hải quỳ và tôm kí cư	
2	Trồng rau cải quá dày nhiều cây yếu bị vàng úa và chết	
3	Dây tơ hồng trên cành cây.	
4	Sâu bọ sống nhờ trong tổ kiến, tổ mối	
5	Loài cây cọ mọc quần tụ thành từng nhóm	
6	Lúa và cỏ dại trên cánh đồng	

Câu 2 (4,0 điểm) Việc tăng dân số quá nhanh sẽ dẫn đến những hậu quả gì? Vì sao nói đặc trưng về thành phần nhóm tuổi quyết định các đặc trưng còn lại của quần thể người?

Câu 3 (3,0 điểm). Giả sử có một quần xã sinh vật gồm các loài sinh vật sau: Cỏ, châu chấu, ếch nhái, dê, gà rừng, cáo, vi sinh vật, mèo rừng, rắn lục đuôi đỏ.

a) (0,5 điểm) Xây dựng 2 chuỗi thức ăn có trong quần xã sinh vật nêu trên?

b) (0,5 điểm) Xếp các sinh vật trên theo thành phần của hệ sinh thái?

c) (1,0 điểm) Xây dựng lưới thức ăn từ quần xã sinh vật trên.

d) (1,0 điểm) Hiện tượng rắn lục đuôi đỏ xuất hiện nhiều vào năm ngoái thậm chí chúng bò vào nhà dân làm người dân hoang mang. Các chuyên gia khoa học kết luận rằng đây là hiện tượng mất cân bằng sinh thái. Em hãy giải thích?

[illegible]

	<p>- Nhóm tuổi già (trên 65 tuổi) nhiều mà nhóm tuổi 0 - 15 tuổi ít thì nhóm tuổi trên 65 sẽ cô đơn khi về già vì thiếu sự chăm sóc của con cháu.</p>	
3	<p>a) 2 chuỗi thức ăn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cỏ → châu chấu → gà → vi sinh vật - Cỏ → gà → cáo → vi sinh vật <p>b) Xếp các sinh vật trên theo thành phần của hệ sinh thái</p> <ul style="list-style-type: none"> - SV sản xuất: Cỏ - SV tiêu thụ bậc 1: Châu chấu, gà, dê - SV tiêu thụ bậc 2 (bậc 3): Cáo, rắn lục đuôi đỏ, mèo rừng, ếch nhái <p>c) Lưới thức ăn</p> <p>d)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rắn lục đuôi đỏ vốn sống trong rừng, nay diện tích rừng giảm, mất bớt nơi ở, rắn lục đuôi đỏ vốn ăn ếch, nhái,..... Các loài thiên địch của chúng trong môi trường như cây, cáo, mèo rừng giảm đi khá nhiều do nạn săn bắt. - Ngoài ra, rắn lục đuôi đỏ không phải là loài có giá trị kinh tế như nhiều loài khác. Thịt rắn hôi nên không được sử dụng làm 	<p>0,25 x 2 = 0,5</p> <p>0,5</p> <p>1,0</p> <p>0,5 x 2</p>

	thức ăn, ngâm rượu thuốc, nên chúng càng có cơ hội phát triển.	
--	--	--

ĐỀ SỐ 3

PHÒNG GD&ĐT CHÂU THÀNH
TRƯỜNG THCS BIÊN GIỚI

ĐỀ THI GIỮA HK2 NĂM HỌC 2015 – 2016
MÔN: SINH HỌC LỚP 9

Thời gian làm bài: 45 phút

Khoanh tròn vào ý A; B; C; D trả lời đúng nhất trong các câu sau:

Câu 1: Ngày nay, nhờ kĩ thuật giữ tinh đông lạnh, thụ tinh nhân tạo và kĩ thuật kích thích nhiều trứng rụng một lúc để thụ tinh, việc tạo con lai kinh tế có nhiều thuận lợi đối với các vật nuôi nào sau đây?

A. Bò và lợn

B. Gà và lợn

C. Vịt và cá

D. Bò và vịt

Câu 2: Muốn duy trì ưu thế lai trong trồng trọt phải dùng phương pháp nào?

A. Cho con lai F_1 lai hữu tính với nhau

B. Nhân giống vô tính bằng giâm, chiết, ghép...

C. Lai kinh tế giữa 2 dòng thuần khác nhau

D. Cho F_1 lai với P

Câu 3: Ưu thế lai biểu hiện rõ nhất ở con lai của phép lai nào sau đây?

A. P: AABbDD X AABbDD

B. P: AaBBDD X Aabbdd

C. P: AAbbDD X aaBBdd

D. P: aabbdd X aabbdd

Câu 4: Tại sao ở nước ta hiện nay phổ biến là dùng con cái thuộc giống trong nước, con đực cao sản thuộc giống nhập nội để lai kinh tế?

A. Vì muốn tạo được con lai F_1 cần có nhiều con cái hơn con đực, nên để giảm kinh phí ta chỉ nhập con đực

B. Vì như vậy tạo được nhiều con lai F_1 hơn

C. Vì như vậy con lai sẽ có khả năng thích nghi với điều kiện khí hậu, chăn nuôi giống mẹ và sức tăng sản giống bố

D. Vì như vậy sẽ giảm kinh phí và con lai có sức tăng sản giống bố

Câu 5: Phép lai nào dưới đây gọi là lai kinh tế?

A. Lai ngô Việt Nam với ngô Mêhicô

B. Lai lúa Việt Nam với lúa Trung Quốc

C. Lai cà chua hồng Việt Nam với cà chua Ba Lan trắng

D. Lai bò vàng Thanh Hóa với bò Hôn sten Hà Lan

Câu 6: Tại sao khi lai 2 dòng thuần, ưu thế lai biểu hiện rõ nhất ở F_1 ?

A. Vì hầu hết các cặp gen ở cơ thể lai F_1 đều ở trạng thái dị hợp

B. Vì hầu hết các cặp gen ở cơ thể lai F_1 đều ở trạng thái đồng hợp trội

C. Vì hầu hết các cặp gen ở cơ thể lai F_1 đều ở trạng thái đồng hợp lặn

D. Vì hầu hết các cặp gen ở cơ thể lai F_1 đều ở trạng thái đồng hợp trội và đồng hợp lặn

Câu 7: Trong chăn nuôi, người ta giữ lại con đực tốt làm giống cho đàn của nó là đúng

hay sai, tại sao?

- A. Đúng, vì con giống đã được chọn lọc
- B. Đúng, vì tạo được dòng thuần chủng nhằm giữ được vốn gen tốt
- C. Sai, vì đây là giao phối gần có thể gây thoái hóa giống.
- D. Sai, vì trong đàn có ít con nên không chọn được con giống tốt

Câu 8: Thành tựu nổi bật nhất trong chọn giống cây trồng ở nước ta là ở lĩnh vực nào?

- A. Chọn giống lúa, lạc, cà chua.
- B. Chọn giống ngô, mía, đậu tương.
- C. Chọn giống lúa, ngô, đậu tương.
- D. Chọn giống đậu tương, lạc, cà chua.

Câu 9: Con lai kinh tế được tạo ra giữa bò vàng Thanh Hoá và bò Hôn sten Hà Lan, chịu được khí hậu nóng, cho 1000 kg sữa/con/năm. Đây là thành tựu chọn giống vật nuôi thuộc lĩnh vực nào?

- A. Công nghệ cấy chuyển phôi.
- B. Nuôi thích nghi.
- C. Tạo giống ưu thế lai (giống lai F_1).
- D. Tạo giống mới.

Câu 10: Nhân tố sinh thái là

- A. Các yếu tố vô sinh hoặc hữu sinh của môi trường.
- B. Tất cả các yếu tố của môi trường.
- C. Những yếu tố của môi trường tác động tới sinh vật.
- D. Các yếu tố của môi trường ảnh hưởng gián tiếp lên cơ thể sinh vật.

Câu 11: Cơ thể sinh vật được coi là môi trường sống khi:

- A. Chúng là nơi ở của các sinh vật khác.
- B. Cơ thể chúng là nơi ở, nơi lấy thức ăn, nước uống của các sinh vật khác.
- C. Các sinh vật khác có thể đến lấy chất dinh dưỡng từ cơ thể chúng.
- D. Cơ thể chúng là nơi sinh sản của các sinh vật khác.

Câu 12: Vì sao nhân tố con người được tách ra thành một nhóm nhân tố sinh thái riêng?

- A. Vì con người có tư duy, có lao động.
- B. Vì con người tiến hoá nhất so với các loài động vật khác.
- C. Vì hoạt động của con người khác với các sinh vật khác, con người có trí tuệ nên vừa khai thác tài nguyên thiên nhiên lại vừa cải tạo thiên nhiên.
- D. Vì con người có khả năng làm chủ thiên nhiên.

Câu 13: Những loài có giới hạn sinh thái rộng đối với nhiều nhân tố sinh thái, thì chúng có vùng phân bố như thế nào

- A. Có vùng phân bố rộng.
- B. Có vùng phân bố hẹp.
- C. Có vùng phân bố hạn chế.
- D. Có vùng phân bố hẹp hoặc hạn chế.

Câu 14: Khi nào các yếu tố đất, nước, không khí, sinh vật đóng vai trò của một môi trường?

- A. Khi nơi đó có đủ điều kiện thuận lợi về nơi ở cho sinh vật.
- B. Khi đó là nơi sinh sống của sinh vật.
- C. Là nơi sinh vật có thể kiếm được thức ăn.
- D. Khi nơi đó không có ảnh hưởng gì đến đời sống của sinh vật.

Câu 15: Khi nào các yếu tố của môi trường như đất, nước, không khí, sinh vật đóng vai trò của một nhân tố sinh thái?

- A. Khi các yếu tố của môi trường không ảnh hưởng lên đời sống sinh vật.
- B. Khi sinh vật có ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường.
- C. Khi các yếu tố của môi trường tác động lên đời sống sinh vật.
- D. Khi sinh vật có ảnh hưởng gián tiếp đến môi trường.

Câu 16: Cá chép có giới hạn chịu đựng về nhiệt độ là: 2°C đến 44°C , điểm cực thuận là 28°C . Cá rô phi có giới hạn chịu đựng về nhiệt độ là: 5°C đến 42°C , điểm cực thuận là 30°C . Nhận định nào sau đây là đúng?

- A. Vùng phân bố cá chép hẹp hơn cá rô phi vì có điểm cực thuận thấp hơn.
- B. Vùng phân bố cá rô phi rộng hơn cá chép vì có giới hạn dưới cao hơn.
- C. Cá chép có vùng phân bố rộng hơn cá rô phi vì có giới hạn dưới thấp hơn.
- D. Cá chép có vùng phân bố rộng hơn cá rô phi vì có giới hạn chịu nhiệt rộng hơn.

Câu 17: Khi chuyển những sinh vật đang sống trong bóng râm ra sống nơi có cường độ chiếu sáng cao hơn thì khả năng sống của chúng như thế nào?

- A. Vẫn sinh trưởng và phát triển bình thường.
- B. Khả năng sống bị giảm sau đó không phát triển bình thường.
- C. Không thể sống được.
- D. Khả năng sống bị giảm, nhiều khi bị chết.

Câu 18: Vào buổi trưa và đầu giờ chiều, tư thế nằm phơi nắng của thằn lằn bóng đuôi dài như thế nào?

- A. Luân phiên thay đổi tư thế phơi nắng theo hướng nhất định.
- B. Tư thế nằm phơi nắng không phụ thuộc vào cường độ chiếu sáng của mặt trời.
- C. Phơi nắng nằm theo hướng tránh bớt ánh nắng chiếu vào cơ thể.
- D. Phơi nắng theo hướng bề mặt cơ thể hấp thu nhiều năng lượng ánh sáng mặt trời.

Câu 19: Vì sao những cây ở bìa rừng thường mọc nghiêng và tán cây lệch về phía có nhiều ánh sáng?

- A. Do tác động của gió từ một phía.
- B. Cây nhận ánh sáng không đều từ các phía.
- C. Do cây nhận được nhiều ánh sáng.
- D. Do số lượng cây trong rừng tăng, lấn át cây ở bìa rừng.

Câu 20: Ứng dụng sự thích nghi của cây trồng đối với nhân tố ánh sáng, người ta trồng xen các loại cây theo trình tự sau:

- A. Cây ưa bóng trồng trước, cây ưa sáng trồng sau.
- B. Trồng đồng thời nhiều loại cây.
- C. Tùy theo mùa mà trồng cây ưa sáng hoặc cây ưa bóng trước.

D. Cây ưa sáng trồng trước, cây ưa bóng trồng sau.

Câu 21: Về mùa đông giá lạnh, các cây xanh ở vùng ôn đới thường rụng nhiều lá có tác dụng gì?

A. Giảm diện tích tiếp xúc với không khí lạnh và giảm sự thoát hơi nước.

B. Làm giảm diện tích tiếp xúc với không khí lạnh.

C. Tăng diện tích tiếp xúc với không khí lạnh và giảm sự thoát hơi nước.

D. Hạn sự thoát hơi nước.

Câu 22: Quá trình quang hợp của cây chỉ có thể diễn ra bình thường ở nhiệt độ môi trường nào?

A. 0° - 40° .

B. 10° - 40° .

C. 20° - 30° .

D. 25° - 35° .

Câu 23: Ở động vật hằng nhiệt thì nhiệt độ cơ thể như thế nào?

A. Nhiệt độ cơ thể không phụ thuộc vào nhiệt độ môi trường.

B. Nhiệt độ cơ thể phụ thuộc vào nhiệt độ môi trường.

C. Nhiệt độ cơ thể thay đổi ngược với nhiệt độ môi trường.

D. Nhiệt độ cơ thể tăng hay giảm theo nhiệt độ môi trường.

Câu 24: Những cây sống ở nơi khô hạn thường có những đặc điểm thích nghi nào?

A. Hoặc cơ thể mọng nước hoặc lá tiêu giảm hoặc lá biến thành gai.

B. Lá và thân cây tiêu giảm.

C. Cơ thể mọng nước, bản lá rộng

D. Lá biến thành gai, lá có phiến mỏng

Câu 25: Giải thích nào về hiện tượng cây ở sa mạc có lá biến thành gai là đúng:

A. Cây ở sa mạc có lá biến thành gai giúp cho chúng chống chịu với gió bão.

B. Cây ở sa mạc có lá biến thành gai giúp cho chúng bảo vệ được khỏi con người phá hoại.

C. Cây ở sa mạc có lá biến thành gai giúp cho chúng giảm sự thoát hơi nước trong điều kiện khô hạn của sa mạc.

D. Cây ở sa mạc có lá biến thành gai giúp cây hạn chế tác động của ánh sáng.

Câu 26: Nhóm sinh vật nào sau đây toàn là động vật ưa khô?

- A. Ếch, ốc sên, lạc đà. B. Ốc sên, giun đất, thằn lằn.
C. Giun đất, ếch, ốc sên. D. Lạc đà, thằn lằn, kỳ nhông.

Câu 27: Sinh vật sống nhờ trên cơ thể của sinh vật khác, lấy chất dinh dưỡng và máu từ cơ thể vật chủ là đặc điểm của mối quan hệ khác loài nào sau đây?

- A. Sinh vật ăn sinh vật khác. B. Hội sinh.
C. Cạnh tranh. D. Kí sinh.

Câu 28: Quan hệ giữa các cá thể trong hiện tượng “tự tỉa” ở thực vật là mối quan hệ gì?

- A. Cạnh tranh . B. Sinh vật ăn sinh vật khác.
C. Hội sinh. D. Cộng sinh.

Câu 29: Địa y sống bám trên cành cây. Giữa địa y và cây có mối quan hệ theo kiểu nào dưới đây?

- A. Hội sinh. B. Cộng sinh.
C. Kí sinh. D. Nửa kí sinh.

Câu 30: Trong quần thể, tỉ lệ giới tính cho ta biết điều gì?

- A. Tiềm năng sinh sản của loài.
B. Giới tính nào được sinh ra nhiều hơn
C. Giới tính nào có tuổi thọ cao hơn
D. Giới tính nào có tuổi thọ thấp hơn

Câu 31: Phát biểu nào sau đây là **không** đúng với tháp tuổi dạng phát triển?

- A. Đáy tháp rộng
B. Số lượng cá thể trong quần thể ổn định
C. Số lượng cá thể trong quần thể tăng mạnh
D. Tỉ lệ sinh cao

Câu 32: Tỉ lệ giới tính trong quần thể thay đổi chủ yếu theo:

- A. Lứa tuổi của cá thể và sự tử vong không đồng đều giữa cá thể đực và cái.

B. Nguồn thức ăn của quần thể.

C. Khu vực sinh sống.

D. Cường độ chiếu sáng.

Câu 33: Cơ chế điều hòa mật độ quần thể phụ thuộc vào:

A. Sự thống nhất mối tương quan giữa tỉ lệ sinh sản và tỉ lệ tử vong.

B. Khả năng sinh sản của các cá thể trong quần thể.

C. Tuổi thọ của các cá thể trong quần thể.

D. Mối tương quan giữa tỉ lệ số lượng đực và cái trong quần thể.

Câu 34: Ở đa số động vật, tỉ lệ đực/cái ở giai đoạn trứng hoặc con non mới nở thường là:

A. 50/50 B. 70/30 C. 75/25 D. 40/60

Câu 35: Tập hợp cá thể nào dưới đây là quần thể sinh vật?

A. Tập hợp các cá thể giun đất, giun tròn, côn trùng, chuột chũi đang sống trên một cánh đồng.

B. Tập hợp các cá thể cá chép, cá mè, cá rô phi đang sống chung trong một ao.

C. Tập hợp các cây có hoa cùng mọc trong một cánh rừng.

D. Tập hợp các cây ngô (bắp) trên một cánh đồng.

Câu 36: Một quần thể chim sẻ có số lượng cá thể ở các nhóm tuổi như sau:

- Nhóm tuổi trước sinh sản: 53 con/ha

- Nhóm tuổi sinh sản: 29 con/ha

- Nhóm tuổi sau sinh sản: 17 con/ha

Biểu đồ tháp tuổi của quần thể này đang ở dạng nào?

A. Vừa ở dạng ổn định vừa ở dạng phát triển.

B. Dạng phát triển.

C. Dạng giảm sút.

D. Dạng ổn định.

Câu 37: Một quần thể chuột đồng có số lượng cá thể ở các nhóm tuổi như sau:

- Nhóm tuổi trước sinh sản 44 con/ha.

- Nhóm tuổi sinh sản: 43 con /ha
- Nhóm tuổi sau sinh sản: 21 con /ha

Biểu đồ tháp tuổi của quần thể này đang ở dạng nào?

- A. Dạng ổn định
- B. Dạng phát triển
- C. Dạng giảm sút
- D. Vừa ở dạng ổn định vừa ở dạng phát triển

Câu 38: Một quần thể hươu có số lượng cá thể ở các nhóm tuổi như sau:

- Nhóm tuổi trước sinh sản: 25 con/ha
- Nhóm tuổi sinh sản: 45 con/ha
- Nhóm tuổi sau sinh sản: 15 con/ha

Biểu đồ tháp tuổi của quần thể này đang ở dạng nào?

- A. Dạng phát triển.
- B. Dạng ổn định.
- C. Vừa ở dạng ổn định vừa ở dạng phát triển.
- D. Dạng giảm sút.

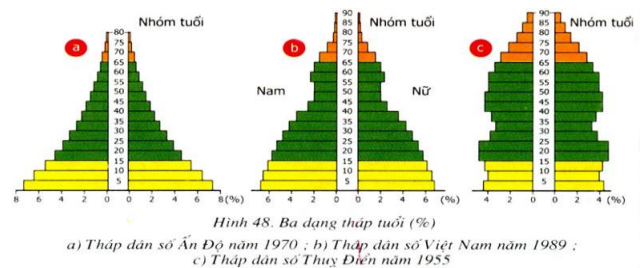
Câu 39: Ví dụ nào sau đây **không** phải là quần thể sinh vật?

- A. Các cá thể chim cánh cụt sống ở bờ biển Nam cực.
- B. Các cá thể chuột đồng sống trên một đồng lúa.
- C. Các cá thể rắn hổ mang sống ở ba hòn đảo cách xa nhau.
- D. Rừng cây thông nhựa phân bố tại vùng Đông bắc Việt Nam.

Câu 40: Quần thể người có 3 dạng tháp tuổi như hình sau

Dạng tháp dân số già là:

- A. Dạng a, b
- B. Dạng b, c
- C. Dạng a, c
- D. Dạng c



Đáp án đề thi giữa học kì 2 môn Sinh học lớp 9

Mỗi câu đúng 0,25 điểm:

1. A	11. B	21. A	31. B
2. B	12. C	22. C	32. A
3. C	13. A	23. A	33. A
4. C	14. B	24. A	34. A
5. D	15. C	25. C	35. D
6. A	16. D	26. D	36. B
7. C	17. D	27. D	37. A
8. C	18. C	28. A	38. D
9. C	19. B	29. A	39. C
10. C	20. D	30. A	40. D

ĐỀ SỐ 4

Phòng GD&ĐT Tp Buôn Ma Thuột
Trường THCS Nguyễn Trường Tộ

KIỂM TRA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2015 – 2016

MÔN: SINH HỌC 9

THỜI GIAN: 45 PHÚT (Không kể thời gian giao đề)

Câu 1: (2.0 điểm) Môi trường là gì? Có mấy loại môi trường chủ yếu?

Câu 2: (2.0 điểm)

a) Thế nào là một hệ sinh thái?

b) Lấy ví dụ 4 chuỗi thức ăn trong hệ sinh thái rừng nhiệt đới?

Câu 3: (3.0 điểm) Qua bài thực hành tìm hiểu tình hình môi trường địa phương, em hãy cho biết các tác nhân chủ yếu gây ÔNMT ở địa phương là gì? Đề xuất biện pháp hạn chế ÔNMT mà theo em là hợp lí?

Câu 4: (2.0 điểm) Nêu các biện pháp bảo vệ nguồn tài nguyên sinh vật?

Câu 5: (1.0 điểm) Bản thân em và gia đình em đã làm gì để góp phần bảo vệ môi trường?

Đáp án đề thi giữa học kì 2 môn Sinh học lớp 9

Câu	Trả lời	Điểm
1	<p>- Môi trường là nơi sinh sống của sinh vật, bao gồm tất cả những gì bao quanh chúng, tác động trực tiếp hoặc gián tiếp lên sự sinh trưởng và phát triển của sinh vật</p> <p>- Có 4 loại môi trường sống chủ yếu</p> <p>+ Môi trường nước</p> <p>+ Môi trường trên mặt đất – không khí</p> <p>+ Môi trường trong đất</p> <p>+ Môi trường sinh vật</p>	<p>1.0</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p>
2	<p>a) Là một hệ thống hoàn chỉnh và tương đối ổn định bao gồm quần xã và khu vực sinh sống của quần xã (sinh cảnh)</p> <p>b) Tùy học sinh lấy được đủ và đúng các thành phần 4 chuỗi thức ăn trong tự nhiên</p>	<p>1.0</p> <p>1.0</p>
3	<p>*/ Các tác nhân chủ yếu gây ô nhiễm môi trường tại địa phương:</p> <p>- Chất thải rắn dưới dạng rác: Túi nilon, chai lọ, rác hữu cơ, rác vô cơ gây ô nhiễm nguồn đất, nước và không khí</p> <p>- Sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp ko tuân theo qui định gây ô nhiễm nước, đất, không khí, và nhiễm vào cơ thể</p>	<p>0.5</p> <p>0.5</p>

	<p>sinh vật</p> <p>- Nước thải trong sinh hoạt và chăn nuôi thải bừa bãi ra môi trường gây ô nhiễm cả môi trường đất, nước, không khí</p> <p>*/ Biện pháp hạn chế ô nhiễm đề xuất:</p> <p>- Xử lí nước thải sinh hoạt, chăn nuôi trước khi thải ra môi trường</p> <p>- Phân loại, vứt rác đúng nơi quy định</p> <p>- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân trong công tác bảo vệ môi trường sống chung.</p>	<p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p>
4	<p>- Bảo vệ, trồng rừng, cấm khai thác các khu rừng già, rừng đầu nguồn, xử lí nghiêm minh vi phạm nếu bị phát hiện.</p> <p>- Cấm săn bắn động vật hoang dã</p> <p>- Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên, các vườn quốc gia để bảo vệ các loài sinh vật.</p> <p>- Ứng dụng KHCN vào việc nhân giống, bảo tồn nguồn gen sinh vật</p>	<p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p>
5	<p>Học sinh liên hệ với bản thân và gia đình từ đó đưa ra những hành động cụ thể góp phần bảo vệ môi trường tại địa phương nói riêng và đất nước nói chung</p>	<p>1.0</p>

ĐỀ SỐ 5

ĐỀ KIỂM TRA

TRƯỜNG THCS Giang Phong

Môn: Sinh học Lớp: 9

Thời gian: 45 phút

I- Trắc nghiệm (3,0 điểm)

Khoanh tròn chữ cái A, B, C, D đứng trước câu trả lời đúng nhất.

Câu 1. Nguyên nhân của hiện tượng thoái hoá giống:

- A. Giao phấn xảy ra ở thực vật
- B. Giao phối ngẫu nhiên ở động vật
- C. Tự thụ phấn ở cây giao phấn và giao phối gần ở động vật
- D. Lai giữa các dòng thuần chủng khác nhau

Câu 2. Giao phối cận huyết là:

- A. Giao phối giữa các cá thể khác bố mẹ
- B. Lai giữa các cây có cùng kiểu gen
- C. Giao phối giữa các cá thể có kiểu gen khác nhau
- D. Giao phối giữa con cái sinh ra từ một cặp bố mẹ hoặc giữa bố mẹ với con cái.

Câu 3. Một nhóm cá thể thuộc cùng một loài sống trong một khu vực nhất định, ở một thời điểm nhất định là:

- A. Quần xã sinh vật B. Quần thể sinh vật
C. Hệ sinh thái D. Quan hệ hỗ trợ

Câu 4. Tảo quang hợp và nấm hút nước hợp lại thành địa y. Tảo cung cấp chất dinh dưỡng còn nấm cung cấp nước là ví dụ về:

- A. Ký sinh B. Cạnh tranh
C. Hội sinh D. Cộng sinh

Câu 5. Nhóm ĐV hằng nhiệt là:

- A. Cá, chim, thú
B. Chim, thú, bò sát
C. Bò sát lưỡng cư
D. Chim, thú.

Câu 6. Đặc điểm có ở quần xã và không có ở quần thể.

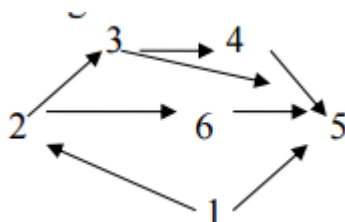
- A. Có số cá thể cùng 1 loài
B. Cùng sống trong 1 không gian xác định
C. Tập hợp các quần thể thuộc nhiều loài
D. Có hiện tượng sinh sản

II. Tự luận (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Ưu thế lai là gì? Tại sao không dùng cơ thể lai F1 để nhân giống?

Câu 2. (2,0 điểm) Môi trường là gì? Kể tên 5 nhân tố vô sinh và 5 nhân tố hữu cơ trong môi trường trường học.

Câu 3. (3,0 điểm) Lưới thức ăn là gì? Cho 1 sơ đồ lưới thức ăn sau:



Hãy xác định tên các sinh vật cho mỗi mắt xích trong lưới thức ăn.

Đáp án đề kiểm tra giữa học kì 2 môn Sinh học lớp 9

I. Trắc nghiệm:

1-C; 2-D; 3-B; 4-D; 5-D; 6-C (Mỗi ý đúng 0,5 điểm)

II. Tự luận:

Câu 1: (1,0 điểm)

- Ưu thế lai là hiện tượng cơ thể lai F1 có ưu thế hơn hẳn so với bố mẹ về sinh trưởng, phát triển, chống chịu, năng suất.
- Ưu thế lai biểu hiện rõ khi lai giữa các dòng thuần có kiểu gen khác nhau. Ưu thế lai biểu hiện cao nhất ở thế hệ F1 giảm dần ở các thế hệ tiếp theo
- Nếu nhân giống thì sang thế hệ sau các gen lặn gây hại ở trạng thái đồng hợp sẽ biểu hiện tính trạng.

Câu 2: (2,0 điểm)

- Môi trường là nơi sinh sống của sinh vật, bao gồm tất cả những gì bao quanh chúng, tác động trực tiếp hoặc gián tiếp lên sự sống, phát triển và sinh sản của sinh vật.
- VD 5 nhân tố vô sinh: Nước, đất, không khí, lớp học, bàn ghế
- VD 5 nhân tố vô sinh: Cây xanh, các bạn, thầy cô giáo, giun, chim

Câu 3: (3,0 điểm)

- Lưới thức ăn: Chuỗi thức ăn có nhiều mắt xích chung tạo thành một lưới thức ăn
- Một lưới thức ăn:

